

QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy định về thủ tục nhờ thu hồi phiếu qua người thu hộ

THÔNG ĐỐC NGÂN HÀNG NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam năm 2003;

Căn cứ Luật Các tổ chức tín dụng năm 1997; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Các tổ chức tín dụng năm 2004;

Căn cứ Luật Các công cụ chuyển nhượng năm 2005;

Căn cứ Nghị định số 52/2003/NĐ-CP ngày 19/5/2003 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

Theo đề nghị của Trưởng Ban Thanh toán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy định về thủ tục nhờ thu hồi phiếu qua người thu hộ".

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

Điều 3. Chánh văn phòng, Trưởng Ban Thanh toán, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam, Giám đốc Ngân hàng Nhà nước Việt Nam chi nhánh tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, Chủ tịch hội đồng quản trị, Tổng giám đốc

(Giám đốc) ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

KT.

THỐNG ĐỐC

PHÓ

THỐNG ĐỐC

(Đã

ký)

Nguyễn

Đồng Tiến

QUY ĐỊNH

VỀ THỦ TỤC NHỜ THU HỒI PHIẾU QUA NGƯỜI THU HỘ

(Ban hành kèm theo Quyết định số 44/2006/QĐ-NHNN ngày 05 tháng 9 năm 2006 của Thống đốc Ngân hàng Nhà nước)

Chương 1:

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

- Quy định này điều chỉnh thủ tục giao nhận, kiểm tra, kiểm soát, xuất trình, thanh toán, xử lý các trường hợp bị từ chối, không được thanh toán, bị mất hồi phiếu đòi nợ và hồi phiếu nhận nợ (sau đây gọi chung là hồi phiếu) khi nhờ thu qua người thu hộ hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.
- Đối với các quan hệ hồi phiếu có yếu tố nước ngoài, việc áp dụng các điều ước và tập quán thương mại quốc tế trong nhờ thu hồi phiếu được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Luật Các công cụ chuyển nhượng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác được phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm dịch vụ thu hộ hối phiếu.
2. Tổ chức, cá nhân có liên quan đến hối phiếu nhờ thu qua người thu hộ.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy định này, các từ ngữ sau đây được hiểu như sau:

1. *Người thu hộ* là ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác được phép của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam làm dịch vụ thu hộ hối phiếu.
2. *Người nhờ thu* là người thụ hưởng hợp pháp hối phiếu thực hiện việc chuyển giao hối phiếu cho người thu hộ để nhờ thu số tiền ghi trên hối phiếu.
3. *Người trả tiền* là người có nghĩa vụ phải thanh toán số tiền ghi trên hối phiếu khi nhận được hối phiếu xuất trình theo chỉ dẫn tại Giấy uỷ quyền thu hối phiếu của người nhờ thu.
4. Người thu hộ nhận uỷ quyền thu hối phiếu của người nhờ thu (gọi tắt là *người thu hộ nhận nhờ thu*) là người thu hộ được người nhờ thu chuyển giao hối phiếu và uỷ quyền thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu.
5. *Người thu hộ được nhờ thu* là bất kỳ người thu hộ nào tham gia vào quy trình nhờ thu hối phiếu và được người thu hộ nhận nhờ thu chuyển giao hối phiếu để nhờ thu.
6. *Giấy uỷ quyền thu hối phiếu* là văn bản do người nhờ thu lập, uỷ quyền cho người thu hộ thực hiện việc xuất trình và thu số tiền ghi trên hối phiếu, trong đó có kèm theo các thông tin chỉ dẫn về nhờ thu hối phiếu.

Điều 4. Phí dịch vụ thu hộ hối phiếu

Tổng giám đốc (Giám đốc) ngân hàng, tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán khác được quy định mức phí dịch vụ thu hộ hối phiếu do đơn vị mình cung cấp nhưng phải đảm bảo phù hợp với quy định của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về thu phí dịch vụ thanh toán qua ngân hàng.

Chương 2:

NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ

Điều 5. Điều kiện của hối phiếu nhờ thu qua người thu hộ

1. Hối phiếu nhờ thu qua người thu hộ phải đáp ứng đủ các điều kiện sau:

a) Hối phiếu được lập, phát hành, bảo lãnh, chuyển nhượng, cầm cố theo đúng quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng, các văn bản hướng dẫn Luật Các công cụ chuyển nhượng và các quy định của pháp luật có liên quan về lập chứng từ kế toán. Các nội dung trên tờ hối phiếu và tờ phụ đính kèm (nếu có) được ghi đầy đủ, rõ ràng, chính xác, không bị sửa chữa, tẩy xóa, nhàu nát, bôi bẩn, xé rời, chấp dán, kết nối lại dưới bất kỳ hình thức nào và phải có chữ ký và dấu (nếu có) của người ký phát (đối với hối phiếu đòi nợ) hoặc của người phát hành (đối với hối phiếu nhận nợ). Trên hối phiếu không có cụm từ “Từ bỏ, Hủy bỏ” hoặc cụm từ khác có ý nghĩa tương tự.

b) Đối với hối phiếu đòi nợ yêu cầu phải được chấp nhận trước khi thanh toán, hối phiếu đó phải là hối phiếu đã được người bị ký phát ký chấp nhận trên hối phiếu theo đúng hình thức và nội dung quy định tại Điều 21 Luật Các công cụ chuyển nhượng.

c) Hối phiếu chưa quá hạn thanh toán. Thời gian tối thiểu còn hiệu lực thanh toán của hối phiếu nhờ thu do hai bên thỏa thuận, nhưng phải đảm bảo có đủ thời gian cần thiết để thực hiện việc thu hộ hối phiếu theo Quy định này.

d) Hối phiếu không thuộc danh mục hối phiếu bị trả lại, bị từ chối thanh toán, không được thanh toán hoặc đã được Trung tâm thông tin tín dụng của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam thông báo bị mất.

2. Ngoài các điều kiện quy định tại Khoản 1 Điều này, người thu hộ nhận nhờ thu và người nhờ thu được thỏa thuận thêm về các điều kiện của hối phiếu nhờ thu, nếu các thỏa thuận này không trái với quy định của pháp luật.

Điều 6. Thủ tục giao, nhận hối phiếu nhờ thu

1. Để nhờ thu hối phiếu qua người thu hộ, người nhờ thu phải ghi trên mặt sau tờ hối phiếu cụm từ “Chuyển giao để nhờ thu”; tên người thu hộ nhận nhờ thu; ngày, tháng, năm chuyển giao hối phiếu; chữ ký người nhờ thu và đóng dấu đơn vị (nếu có). Sau đó, lập Giấy ủy quyền thu hối phiếu (theo Phụ lục số 01) kèm hối phiếu nhờ thu, tờ phụ hối phiếu và các hóa đơn, chứng từ giao hàng (nếu có) giao cho người thu hộ nhận nhờ thu. Số liên lập Giấy ủy quyền thu hối phiếu và phương thức giao nhận hối phiếu nhờ thu giữa người nhờ thu và người thu hộ nhận nhờ thu do người thu hộ

nhận nhờ thu quy định nhưng phải đảm bảo việc giao nhận hối phiếu nhờ thu được kiểm soát, xử lý theo đúng quy định của pháp luật.

2. Khi nhận được Giấy ủy quyền thu hối phiếu kèm hối phiếu và các hóa đơn, chứng từ giao hàng (nếu có) do người nhờ thu giao, người thu hộ nhận nhờ thu có trách nhiệm kiểm tra để đảm bảo: Hối phiếu đáp ứng các điều kiện nhờ thu theo quy định tại Điều 5 Quy định này; sự khớp đúng và chính xác giữa các yếu tố ghi trên Giấy ủy quyền thu hối phiếu với hối phiếu nhờ thu và tờ phụ đính kèm (nếu có); người nhờ thu được ghi nhận trong dây chuyền chuyển nhượng theo đúng quy định của Luật Các công cụ chuyển nhượng; và hối phiếu chuyển nhượng cho người nhờ thu không có cụm từ “Cấm chuyển nhượng” hoặc cụm từ khác có ý nghĩa tương tự.

3. Sau khi kiểm tra, nếu hối phiếu đáp ứng các điều kiện để thu hộ, người thu hộ nhận nhờ thu ký nhận chứng từ với khách hàng: Ký tên, đóng dấu người thu hộ nhận nhờ thu lên tất cả các liên Giấy ủy quyền thu hối phiếu; ghi trên mặt sau của tờ hối phiếu nhờ thu cụm từ “Nhận chuyển giao để thu hộ”; ngày, tháng, năm nhận chuyển giao và ghi sổ theo dõi hối phiếu nhận thu hộ.

4. Để thực hiện thu hộ hối phiếu theo Giấy ủy quyền thu hối phiếu của người nhờ thu, người thu hộ nhận nhờ thu thực hiện xuất trình hối phiếu để yêu cầu người trả tiền thanh toán theo quy định của pháp luật hoặc chuyển giao hối phiếu cho người thu hộ khác theo chỉ dẫn trên Giấy ủy quyền thu hối phiếu của người nhờ thu hay cho bất kỳ người thu hộ nào mà người thu hộ nhận nhờ thu thấy thích hợp (nếu người nhờ thu không ghi rõ trên Giấy ủy quyền) để nhờ thu hộ số tiền ghi trên hối phiếu.

Trường hợp người thu hộ nhận nhờ thu chuyển giao hối phiếu cho người thu hộ khác để nhờ thu hộ thì việc chuyển giao này phải thực hiện ngay trong ngày người thu hộ nhận nhờ thu được ủy quyền thu hộ hối phiếu hoặc chậm nhất vào buổi sáng ngày làm việc kế tiếp. Thủ tục giao, nhận hối phiếu nhờ thu giữa các đơn vị thu hộ do các bên tự thỏa thuận, đảm bảo nhanh chóng, thuận tiện, an toàn và phù hợp với quy định của pháp luật về chuyển giao hối phiếu.

Điều 7. Xuất trình hối phiếu để thanh toán